

Số: 336/QĐ-ĐHHL

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện chế độ giảm học phí đối với học sinh Khoa Nghệ thuật theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Học kỳ II, năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-UBND ngày 12/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long; Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Ủy ban dân tỉnh Quảng Ninh về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hạ Long;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Căn cứ danh sách học sinh các lớp đang theo học các ngành trung cấp nhạc cụ truyền thống và trung cấp múa, đang theo học tại Trường Đại học Hạ Long;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ giảm học phí học kỳ II năm học 2021 - 2022 đối với 86 (tám mươi sáu) học sinh ngành trung cấp nhạc cụ truyền thống và trung cấp múa với tổng số tiền là 197.155.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn).

- Mức giảm: Giảm 70% học phí
- Số tháng được hưởng: 05 tháng

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trường các phòng: Công tác chính trị, Quản lý và Hỗ trợ sinh viên; Kế hoạch - Tài chính; khoa Nghệ thuật và những học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- HT và các phó HT;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Lưu VT; CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trần Trung Vỹ



UBND TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

**DANH SÁCH HỌC SINH KHOA NGHỆ THUẬT ĐƯỢC GIẢM 70% HỌC PHÍ
THEO NGHỊ ĐỊNH 81/2021/NĐ-CP NGÀY 27 THÁNG 8 NĂM 2021 CỦA CHÍNH PHỦ
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số 336/QĐ-ĐHHL ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Mức giảm	Mức học phí	Mức miễn giảm/tháng (đ)	Số học phí miễn giảm (đ)
1	Nguyễn Thị Hương	Duyên	16/12/2005	TC Nhạc cụ TT K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
2	Bế Thu	Huyền	03/07/2002	TC Nhạc cụ TT K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
3	Vũ Trọng	Huỳnh	11/06/2000	TC Nhạc cụ TT K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
4	Ngô Thị Ngọc	Mai	27/10/2005	TC Nhạc cụ TT K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
5	Lê Như	Ngọc	02/10/2006	TC Nhạc cụ TT K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
6	Nguyễn Lan	Nhi	20/07/2005	TC Nhạc cụ TT K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
7	Trần Minh	Thu	12/06/2006	TC Nhạc cụ TT K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
8	Vũ Khánh	Hòa	10/06/2006	TC Nhạc cụ TT K14	70%	655.000	458.500	2.292.500
9	Lê Quỳnh	Anh	26/09/2006	TC Nhạc cụ TT K15	70%	655.000	458.500	2.292.500
10	Đoàn Quang	Bình	04/04/1996	TC Nhạc cụ TT K15	70%	655.000	458.500	2.292.500
11	Phạm Hải	Đăng	31/10/2007	TC Nhạc cụ TT K15	70%	655.000	458.500	2.292.500
12	Lê Thị Hà	My	06/04/2008	TC Nhạc cụ TT K15	70%	655.000	458.500	2.292.500
13	Đồng Anh	Thơ	28/12/2007	TC Nhạc cụ TT K15	70%	655.000	458.500	2.292.500
14	Trần Hoài	Thương	20/10/2007	TC Nhạc cụ TT K15	70%	655.000	458.500	2.292.500
15	Phạm Gia	Bảo	23/10/2008	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
16	Lê Thùy	Dương	15/08/2004	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
17	Phạm Nguyễn Bảo	Hà	30/07/2007	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
18	Trần Huyền	Linh	28/01/2008	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Mức giảm	Mức học phí	Mức miễn giảm/tháng (đ)	Số học phí miễn giảm (đ)
19	Vương Yến	Nhi	09/10/2008	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
20	Dương Thủy	Quỳnh	30/11/2001	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
21	Nguyễn Đức	Tâm	17/07/2008	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
22	Nguyễn Thị	Trang	17/03/2006	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
23	Vũ Khánh	Vy	21/06/2007	TC Nhạc cụ TT K16	70%	655.000	458.500	2.292.500
24	Trương Phùng Hoàng	An	18/08/2009	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
25	Nguyễn Hoàng Linh	Chi	13/11/2008	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
26	Lê Phạm Ngọc	Diệp	04/11/2009	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
27	Phạm Duy	Linh	12/05/1995	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
28	Dương Yến	Nhi	04/07/2007	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
29	Chu Thị Quỳnh	Tâm	08/11/2008	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
30	Nguyễn Phạm Anh	Thư	02/11/2008	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
31	Trần Bảo	Thy	15/01/2009	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
32	Trần Bảo	Trâm	07/06/2008	TC Nhạc cụ TT K17	70%	655.000	458.500	2.292.500
33	Nguyễn Ngọc Phương	Dung	24/01/2011	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
34	Nguyễn Thanh	Hằng	06/03/2010	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
35	Nguyễn Trung	Hiếu	01/04/2003	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
36	Vũ Đức	Khoa	10/12/2010	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
37	Phạm Vũ Khánh	Linh	09/12/2009	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
38	Trần Tuệ	Minh	24/12/2009	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
39	Nguyễn Trọng Bảo	Nam	23/12/2009	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
40	Nguyễn Chiêu	Quân	14/04/2010	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
41	Đỗ Thủy	Trang	11/04/2010	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
42	Nguyễn Hoàng Gia	Kiên	16/10/2009	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
43	Nguyễn Hoàng	Phong	01/06/2010	TC Nhạc cụ TT K18	70%	655.000	458.500	2.292.500
44	Ngô Kiều	Anh	31/12/2002	TC Múa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500

Stt	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Mức giảm	Mức học phí	Mức miễn giảm/tháng (đ)	Số học phí miễn giảm (đ)
45	Đỗ Thị Thùy	Linh	26/09/2001	TC Mùa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500
46	Nguyễn Phương	Linh	30/08/2005	TC Mùa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500
47	Đặng Huyền Khánh	Ly	14/10/2004	TC Mùa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500
48	Đỗ Quỳnh Hồng	Ngọc	30/11/2006	TC Mùa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500
49	Bùi Thị Thu	Thảo	19/10/2003	TC Mùa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500
50	Phạm Thị Minh	Thư	23/01/2004	TC Mùa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500
51	Phạm Huyền	Trang	17/01/2004	TC Mùa K10	70%	655.000	458.500	2.292.500
52	Phan Lâm	Diễm	04/04/2007	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
53	Nguyễn Thùy	Dương	25/02/2007	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
54	Vũ Gia	Khánh	02/09/2009	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
55	Nguyễn Hồng	Minh	29/03/2006	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
56	Đinh Yên	Nhi	27/05/2007	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
57	Bùi Kiều	Trang	27/12/2006	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
58	Phạm Thảo	Trần	25/03/2006	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
59	Vũ Thu	Trang	02/10/2008	TC Mùa K11	70%	655.000	458.500	2.292.500
60	Nguyễn Minh	Anh	01/10/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
61	Bùi Nhật Kim	Anh	16/12/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
62	Nghiêm Quỳnh	Chi	22/05/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
63	Nguyễn Hương	Giang	17/06/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
64	Đỗ Bảo	Hân	11/08/2007	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
65	Đinh Khánh	Linh	11/07/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
66	Nhâm Khánh	Linh	21/08/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
67	Nguyễn Dương Kim	Minh	28/09/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
68	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi	15/09/2008	TC Mùa K12	70%	655.000	458.500	2.292.500
69	Trần Hà	Anh	28/08/2008	TC Mùa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
70	Đặng Thị Quỳnh	Anh	24/09/2009	TC Mùa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500

Stt	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Mức giảm	Mức học phí	Mức miễn giảm/tháng (đ)	Số học phí miễn giảm (đ)
71	Trần Phương Anh	07/06/2005	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
72	Nguyễn Phương Chi	11/11/2009	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
73	Mai Linh Chi	17/05/2009	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
74	Nguyễn Khánh Chi	06/02/2009	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
75	Cao Gia Hân	19/03/2009	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
76	Trần Ngọc Linh	04/02/2008	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
77	Đặng Tuấn Linh	12/03/2007	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
78	Phạm Thùy Linh	04/04/2007	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
79	Nguyễn Thị Hà Linh	28/07/2010	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
80	Vũ Bảo Ngọc	03/10/2010	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
81	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	15/01/2009	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
82	Nguyễn Nguyệt Đan Nhi	17/03/2010	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
83	Nguyễn Hồng Nhung	11/03/2010	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
84	Đặng Thị Mai Phương	04/01/2008	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
85	Phạm Thùy Trang	13/07/2009	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
86	Trần Gia Như Ý	02/01/2009	TC Múa K13	70%	655.000	458.500	2.292.500
Tổng							197.155.000

Bảng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng./.

